

Số: 4923/QĐ-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Trưởng Khoa Địa lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai (định hướng nghiên cứu), mã số chuyên ngành đào tạo: 8850103.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Địa lý, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT, HĐH06.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 4923/QĐ-ĐHKHTN ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
MÃ SỐ: 8850103
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: Land Management
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: Land Management
- Mã số ngành/chuyên ngành: 8850103
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Land Management

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai có mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất đạo đức tốt và trách nhiệm với xã hội. Thạc sĩ Quản lý đất đai có trình độ học vấn vững vàng về lý luận khoa học quản lý đất đai, có kiến thức về công nghệ hiện đại nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, có khả năng chủ động triển khai những nhiệm vụ thực tiễn cả ở tầm vĩ mô và vi mô ở lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, có năng lực nghiên cứu khoa học chuyên ngành và liên ngành.

Quách

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:* Chương trình đào tạo cung cấp cho người học hệ thống kiến thức toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực khoa học quản lý đất đai theo hướng tiếp cận hệ thống, chú trọng phương pháp quản lý, đánh giá, kết hợp công nghệ để giải quyết các vấn đề quản lý đất đai trong thực tiễn.

- *Về kỹ năng:* Trang bị cho học viên các kỹ năng chuyên môn để vận dụng giải quyết vấn đề, hình thành các ý tưởng mới trong nghiên cứu về quản lý đất đai, sử dụng thành thạo các công nghệ hiện đại trong thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu về đất đai đáp ứng yêu cầu công việc. Học viên được trang bị các phương pháp và kỹ năng giao tiếp, truyền đạt kiến thức và thích nghi với các điều kiện thực tiễn của xã hội; kỹ năng nghiên cứu khoa học, làm việc độc lập, sáng tạo, khởi nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc nhóm, có kỹ năng ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để phục vụ các hoạt động chuyên môn và đời sống.

- *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:* học viên có nhận thức đúng về vai trò và trách nhiệm của ngành Quản lý đất đai đối với sự phát triển của đất nước, có phẩm chất chính trị tốt, tuân thủ các chính sách, quy định pháp luật của nhà nước và của tổ chức; giữ vững đạo đức nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN).

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQGHN; hoặc xét tuyển theo quy định của Trường ĐHKHTN (gồm 2 nội dung: xét hồ sơ và phỏng vấn).

3.2. Đối tượng dự tuyển

- *Yêu cầu về văn bằng:*

Thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp từ hạng Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.

- *Điều kiện về ngoại ngữ:*

Có văn bằng, chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Quy định cụ thể điều kiện ngoại ngữ áp dụng trong thông báo tuyển sinh sau đại học của Nhà trường.

- *Kinh nghiệm công tác:* Không bắt buộc.



3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

- *Danh mục các ngành phù hợp (không phải học bổ sung kiến thức):* Quản lý đất đai; Địa chính; Quản lý phát triển đô thị và bất động sản; Địa lý tự nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường.

- *Danh mục các ngành phù hợp (phải học bổ sung kiến thức):* Địa lý học; Bản đồ học; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Khoa học thông tin địa không gian; Bất động sản; Khoa học đất; Khoa học môi trường; Công nghệ môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Môi trường và phát triển bền vững; Địa chất học; Địa kỹ thuật - Địa môi trường; Kỹ thuật địa chất; Khí tượng học; Thủy văn học; Hải dương học; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Quản lý đô thị thông minh và bền vững; Quản lý xây dựng; Kinh tế tài nguyên; Kinh tế tài nguyên môi trường.

- *Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác:* Hội đồng chuyên môn đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức thì phải hoàn thành các học phần bổ sung trước khi dự tuyển. Số tín chỉ và học phần cần bổ sung kiến thức do đơn vị đào tạo quyết định tùy thuộc vào bảng điểm hệ đại học của người dự tuyển. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức cụ thể như sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Cơ sở và lịch sử quản lý đất đai	4
2	Pháp luật đất đai	2
3	Xử lý số liệu đo đạc	3
4	Đo đạc địa chính và ứng dụng tin học trong xây dựng bản đồ	4
5	Đăng ký đất đai và hồ sơ địa chính	3
6	Đánh giá đất và quy hoạch sử dụng đất đai	4
7	Thổ nhượng và bản đồ thổ nhượng	2
8	Quản lý tài chính đất đai	2
9	Quản lý thị trường bất động sản	2
10	Hệ thống thông tin đất đai	3
11	Trắc địa ảnh và công nghệ ảnh số	3
12	Địa lý học	3
	Tổng	35

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh giai đoạn 2024 - 2025: từ 20 - 30 học viên.

Từ năm 2025 trở đi tuyển sinh căn cứ vào thực tế cũng như theo chỉ tiêu của ĐHQGHN.

quut

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (PK-Program Knowledge)

PK1. Vận dụng được các kiến thức liên ngành về tài nguyên, môi trường, bản đồ viễn thám trong quản lý đất đai.

PK2. Phân tích và luận giải được các khía cạnh pháp luật, quy hoạch, kinh tế, hành chính và công nghệ của quản lý đất đai.

PK3. Đánh giá được một số vấn đề khoa học và thực tiễn về quản lý, sử dụng đất đai và đưa ra giải pháp với tư duy biện chứng.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (PS-Program Skill)

PS1. Phối hợp các kiến thức về quy hoạch, pháp luật, kinh tế và công nghệ trong phân tích, tổng hợp thông tin để đưa ra giải pháp và tổ chức giải quyết các vấn đề trong quản lý đất đai.

PS2. Áp dụng các công nghệ mới, hiện đại trong thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu về đất đai đáp ứng yêu cầu công việc.

PS3. Tư duy và lập luận logic, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực quản lý đất đai.

PS4. Thiết kế, triển khai thực hiện và giải quyết các vấn đề trong dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.

PS5. Sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp, tìm kiếm và trình bày vấn đề chuyên môn đạt chuẩn bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PS6. Linh hoạt làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tổ chức, quản trị hoạt động nhóm và phát triển nhóm làm việc, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc của nhóm; tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (PR-Program Responsibility)

PR1. Tự chủ trong học tập và nghiên cứu, đưa ra sáng kiến giải quyết vấn đề, bảo vệ quan điểm cá nhân và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể.

PR2. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực hướng dẫn người khác trong các hoạt động chuyên môn.

PR3. Sẵn sàng lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai.

quy

PR4. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ các chủ trương, chính sách, quy định của tổ chức; giữ vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã), trong các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trong các công ty nhà nước và doanh nghiệp về quản lý đất đai, phát triển bất động sản và các lĩnh vực có liên quan.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ về lĩnh vực quản lý đất đai tại các trường đại học, học viện ở trong và ngoài nước.

qu

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	65 tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	33 tín chỉ
+ Bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Tự chọn:	15/45 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học:	24 tín chỉ
+ Các chuyên đề nghiên cứu:	12 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ:	12 tín chỉ

Cách tính tín chỉ và giờ học tập trong chương trình đào tạo:

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

- Đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 15 giờ lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành hoặc 90 giờ tự học.

- Giờ học tập của mỗi học phần được chia thành 3 loại:

+ Lý thuyết: mỗi giờ lý thuyết trên lớp cần có 2 giờ tự học.

+ Thực hành: bao gồm các hoạt động thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận... Mỗi 2 giờ thực hành cần có 1 giờ tự học.

+ Tự học: giờ tự học bao gồm các giờ tự học cho hoạt động học lý thuyết, học thực hành, thực tập, tự nghiên cứu, thực hiện ôn tập và kiểm tra đánh giá. Tổng số giờ tự học của học phần được tính bằng công thức:

$$\text{Số tín chỉ} \times 50 - \text{Số giờ lý thuyết} - \text{Số giờ thực hành}$$

- Mỗi giờ học tập được tính trong thời gian 50 phút. *quu*

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	8				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	3	42	6	102	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SDH) <i>English B2</i>	5	40	60	150	
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	33				
II.1		Học phần bắt buộc	18				
3	GEO5224	Hệ thống quản lý đất đai <i>Land Administration System</i>	3	30	30	90	
4	GEO5225	GIS trong quản lý đất đai <i>GIS for Land Administration</i>	3	36	18	96	
5	GEO5226	Hệ thống chính sách và pháp luật đất đai Việt Nam <i>Land Policy and Land Law System of Vietnam</i>	3	30	30	90	
6	GEO5227	Đánh giá và quy hoạch sử dụng đất bền vững <i>Land Evaluation and Land Use Planning for Sustainable Development</i>	3	30	30	90	
7	GEO5237	Kinh tế đất đai và thị trường bất động sản <i>Land Economics and Real Estate Market</i>	3	21	36	93	
8	GEO5238	Đổi mới công nghệ trong quản lý đất đai và bất động sản <i>Technology Updates in Land and Real Estate Management</i>	3	36	18	96	

quyết

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
II.2		Học phần tự chọn	15/45				
9	GEO5210	Tiếng Anh học thuật <i>English for Academic Purposes</i>	3	25	30	95	
10	GEO5228	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai <i>Modernisation of Land Registration System</i>	3	30	30	90	
11	GEO5229	Chính sách tài chính cho phát triển thị trường bất động sản <i>Financial Policy For Real Estate Market Development</i>	3	25	30	95	
12	GEO5219	Quy hoạch vùng và tổ chức lãnh thổ <i>Regional Planning and Territorial Organization</i>	3	30	30	90	
13	GEO5230	Những vấn đề sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất <i>Problems of Rational Use and Protection of Land Resources</i>	3	30	30	90	
14	GEO5231	Định giá bất động sản <i>Real Estate Valuation</i>	3	21	36	93	
15	GEO5239	Viễn thám ứng dụng trong khoa học trái đất <i>Applied Remote Sensing For Earth Sciences</i>	3	30	30	90	
16	GEO5232	Địa tin học <i>GeoInformatics</i>	3	30	30	90	
17	GEO5203	Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững <i>Resources, Environment and Sustainable Development</i>	3	30	30	90	
18	GEO5233	Hệ thống địa chính hiện đại <i>Modern Land Administration System</i>	3	36	18	96	GEO5232

suu

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
19	GEO5234	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai <i>Development of Land Databases</i>	3	36	18	96	GEO5225
20	GEO5235	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất đai <i>Prediction Model for Land Use Planning</i>	3	30	30	90	GEO5227
21	GEO5236	Công nghệ ảnh số và hệ thống định vị toàn cầu trong quản lý đất đai <i>Digital Photogrammetry and Global Positioning System for Land Administration</i>	3	35	20	95	
22	GEO5240	Học máy trong quản lý đất đai và bất động sản <i>Machine Learning in Land and Real Estate Management</i>	3	34	22	94	
23	GEO5241	Quy hoạch phát triển và quản lý sử dụng đất đô thị <i>Planning Development and Urban Land Use Management</i>	3	36	18	96	
III		Nghiên cứu khoa học	24				
III.1		Chuyên đề nghiên cứu	12				
24	GEO5242	Chuyên đề nghiên cứu 1 <i>Research Topic 1</i>	3	5	10	135	
25	GEO5243	Chuyên đề nghiên cứu 2 <i>Research Topic 2</i>	3	5	0	145	
26	GEO5244	Chuyên đề nghiên cứu 3 <i>Research Topic 3</i>	3	5	0	145	
27	GEO5245	Chuyên đề nghiên cứu 4 <i>Research Topic 4</i>	3	5	0	145	
III.2		Luận văn thạc sĩ	12				
28	GEO5901	Luận văn <i>Final Thesis</i>	12	10	0	590	
		Tổng cộng	65				

quyết